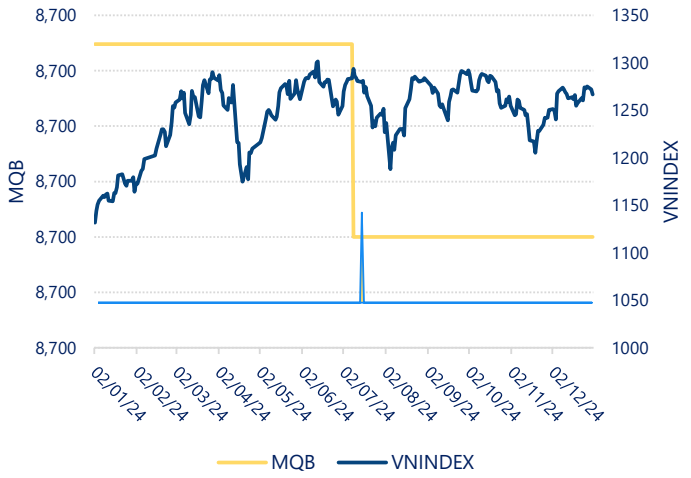
CTCP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình (UPCOM

KẾT QUẢ KINH DOANH

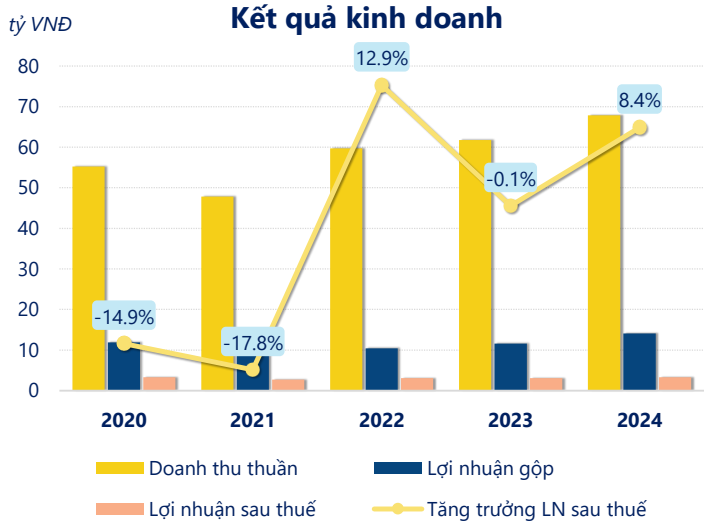
Ngày 31/12/2024	8,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0.0%

Lịch sử giá



	2024	YoY
DT thuần	67.8 tỷ VNĐ	▲ 6.00 ▲ 9.9%
LN gộp	14.1 tỷ VNĐ	▲ 2.50 ▲ 21.7%
LN thuần	4.18 tỷ VNĐ	▲ 0.90 ▲ 27.5%
LN sau thuế	3.31 tỷ VNĐ	▲ 0.25 ▲ 8.4%

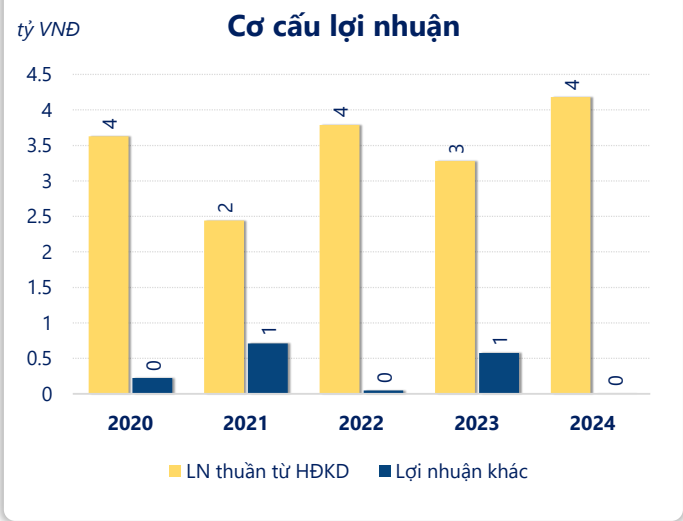
Kết quả kinh doanh

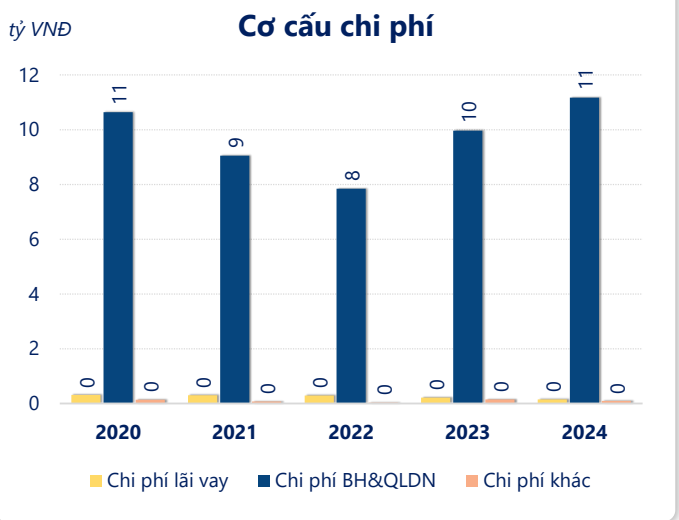


	2024	+/- YoY
ROE	7.6%	▲ 0.4%
ROA	4.0%	▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh **MQB** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **67.84** tỷ đồng **tăng 9.85%**, lợi nhuận sau thuế đạt 3.31 tỷ đồng **tăng 8.38%**.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **7.63%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

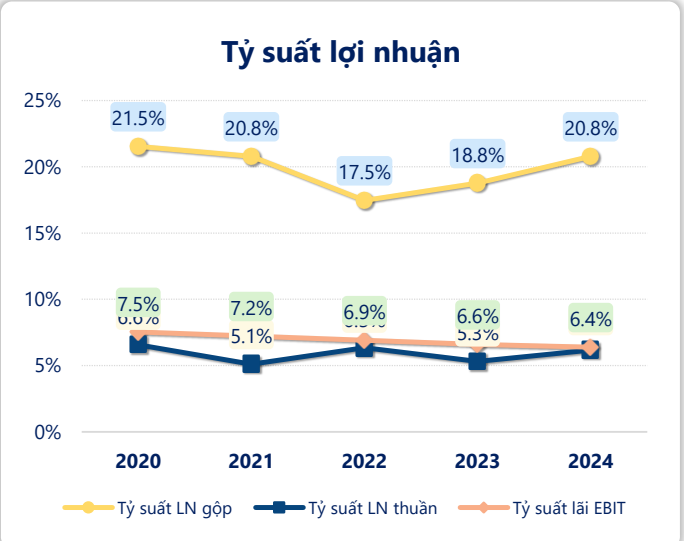


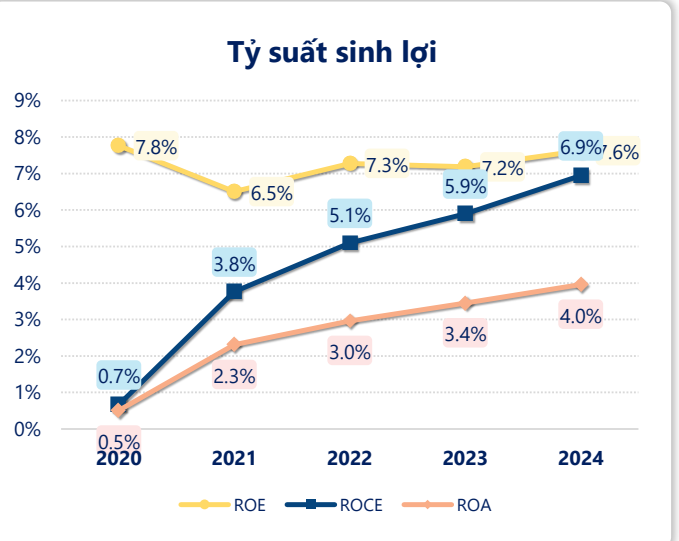


Năm **2024**, **MQB** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **4.18** tỷ đồng, **tăng lên 0.90** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (3.46 tỷ đồng) là 0.72 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

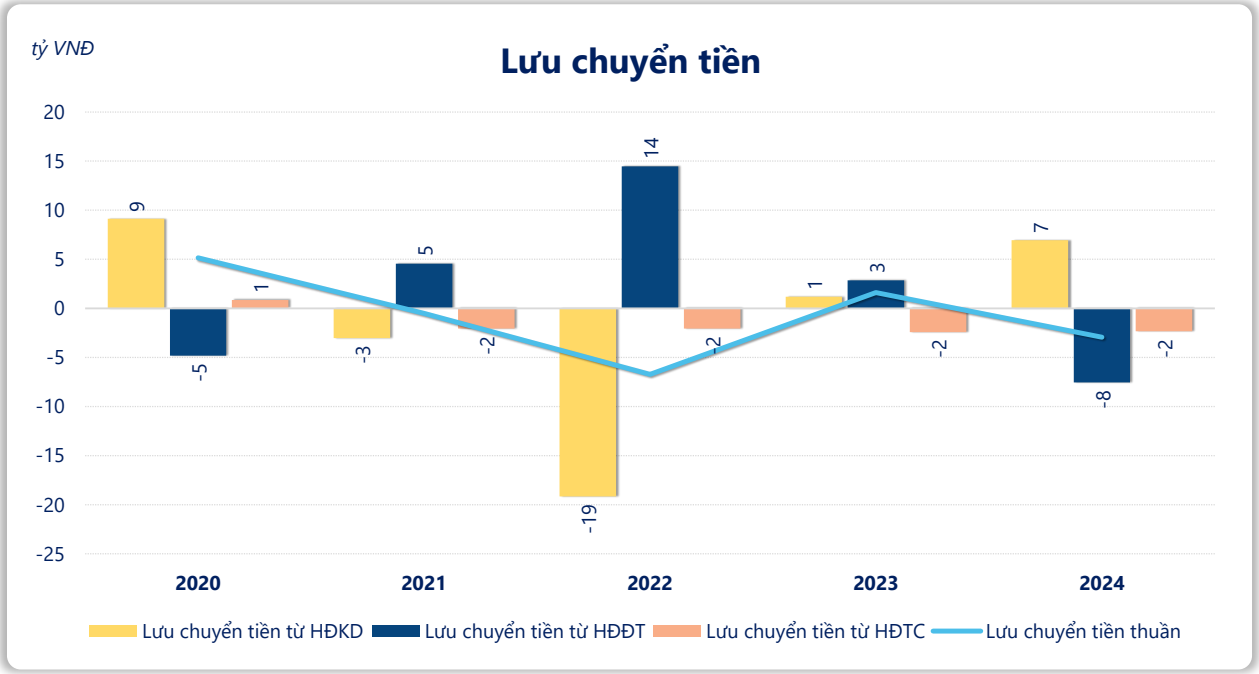
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.15** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **11.17** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.10** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của MQB năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **7.63%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**55.2**	**47.8**	**59.7**	**61.8**	**67.8**
Giá vốn hàng bán	43.3	37.9	49.3	50.2	53.7
Lợi nhuận gộp	**11.9**	**9.94**	**10.4**	**11.6**	**14.1**
Doanh thu HĐTC	2.67	1.85	1.51	1.88	1.43
Chi phí TC	0.31	0.30	0.29	0.22	0.18
Chi phí lãi vay	**0.31**	**0.30**	**0.29**	**0.22**	**0.15**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.6	9.05	7.85	9.97	11.2
LN thuần từ HĐKD	**3.63**	**2.44**	**3.79**	**3.28**	**4.18**
Lợi nhuận khác	0.22	0.71	0.05	0.57	0.00
LN trước thuế	**3.85**	**3.15**	**3.83**	**3.85**	**4.18**
Lợi nhuận sau thuế	**3.29**	**2.71**	**3.06**	**3.06**	**3.31**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.29**	**2.71**	**3.06**	**3.06**	**3.31**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của MQB bằng **-2.93** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (1.62 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **6.94** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-7.54** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-2.33** tỷ đồng.